

HIỆN TẠI ĐƠN \_ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

Nội dung	THÌ HIỆN TẠI ĐƠN	THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN	THÔNG TIN CẦN ĐIỀN
Cấu trúc (Khẳng định)	S + V(s/es) hoặc S + [1]	S + [2] + V-ing	* am / is / are + not + V-ing  * Đang xảy ra ngay lúc nói
Cấu trúc (Phủ định)	S + don't / doesn't + V-inf  Hoặc  S + am / is / are + not	S + [3]	* Lịch trình, thời gian biểu  * Trạng từ tần suất đứng TRƯỚC động từ thường, đứng SAU động từ to be
Cách dùng	Diễn tả: [4]  - - -	Diễn tả: [5]	* Thói quen lặp đi lặp lại  * am / is / are  * Sự thật, trạng thái
Ví dụ	* I usually play games.  * He <b>catches</b> the bus to school <b>every day</b> .	* I am playing games now.  * He catches the bus to school every day, <b>but today</b> he <b>is riding</b> his bike.	* Gấp đôi phụ âm cuối trước khi thêm -ing  * am / is / are  * Every day, always, usually, often
Dấu hiệu nhận biết	[6]	[7]	* Now, at the moment, Look!, Listen!  * Đang xảy ra trong khoảng thời gian xung quanh thời điểm nói
Lưu ý đặc biệt	[8]	Khi từ kết thúc bằng 1 nguyên âm + 1 phụ âm (như run, sit), ta phải: [9]	* Hành động trái với thói quen bình thường